

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/DS-PT
Ngày: 14/11/2023
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Chương và ông Nguyễn Tài Sử.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Mừng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/TLPT-DS, ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 31/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 67/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 10 năm 2023. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, địa chỉ: Tổ N, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – có mặt
- *Bị đơn:* Bà H'B, địa chỉ: Xã S, huyện L, tỉnh Đắk Nông – có mặt
- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Ông Nguyễn Quang H, địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt

Do có kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Ngày 02/11/2020, bà cho bà H'B vay số tiền 460.000.000 đồng tại tổ 2, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông để đáo hạn ngân hàng; tiếp tục ngày 12/11/2020 bà lại cho bà H'B vay tiếp số tiền 460.000.000 đồng với cùng lý do trên; cả hai lần vay đều có ông Nguyễn Quang H làm chứng. Thời điểm vay có

lập hợp đồng cho cá nhân vay tiền, mỗi hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, hạn trả nợ đến ngày 17/11/2020 và không thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ, bà H'B không trả tiền gốc và lãi như đã thỏa thuận mặc cho bà T đã liên hệ nhiều lần.

Trước thời điểm vay ngày 02/11/2020, bà T và bà B đã nhiều lần giao dịch với nhau về việc cho vay mượn tiền, bà T cho rằng số tiền mà bà B chuyển sau thời điểm vay tiền ngày 02/11/2020 và ngày 12/11/2020 là của các khoản vay trước đó, không liên quan đến khoản vay ngày 02/11/2020 và ngày 12/11/2020.

Việc bà B cho rằng chỉ vay bà T 460.000.000 đồng, đã trả được 215.000.000 đồng tiền gốc và 200.000.000 đồng tiền lãi, bà T không đồng ý.

Do bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà T khởi kiện yêu cầu bà B phải trả số tiền gốc 920.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 18/11/2020 đến ngày Tòa án giải quyết với mức lãi suất là 10%/năm.

Ý kiến của bị đơn bà H'B trình bày:

Ngày 02/11/2020 bà có ký một hợp đồng vay để mượn một khoản tiền là 460.000.000 đồng từ bà T. Khi gần ra về bà T có đưa thêm một bản hợp đồng vay cho bà H'B ghi thông tin trên mục người vay, hợp đồng này khi đó chưa có ghi thông tin gì khác. Sau khi ký bà đã nhận đủ số tiền là 460.000.000 đồng; về lãi suất chỉ thỏa thuận miệng là 3000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; hẹn sau 15 ngày sẽ trả. Do tin tưởng nên bà không giữ hợp đồng vay nào mà đưa hết cho bà T giữ. Đến ngày trả nợ vì chưa có tiền nên bà đã chuyển các số tiền lần lượt như sau: Ngày 19/11/2020 chuyển khoản 23.460.000 đồng tiền lãi qua tài khoản ngân hàng Nông nghiệp A00205574988; ngày 30/11/2020 chuyển khoản 31.740.000 đồng tiền lãi qua tài khoản ngân hàng Nông nghiệp A00205574988; ngày 27/01/2021 chuyển khoản 40.000.000 đồng tiền lãi qua tài khoản ngân hàng Nông nghiệp A00205574988; ngày 06/02/2021 chuyển khoản 40.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 25.000.000 đồng, tiền lãi 15.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng Liên Việt B476280001; ngày 08/02/2021 chuyển khoản 15.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng Nông nghiệp A00205574988; ngày 17/3/2021 giao tiền lãi 50.985.000 đồng tại nhà bà T; ngày 18/3/2021 chuyển khoản 150.000.000 đồng tiền gốc và 1.305.000 đồng tiền lãi qua tài khoản ngân hàng Nông nghiệp A00205574988; ngày 19/3/2021 giao 40.000.000 đồng tiền gốc và 855.000 đồng tiền lãi trước công công an huyện Đăk Glông; ngày 05/04/2021 chuyển khoản 11.030.000 đồng tiền lãi qua tài khoản ngân hàng Nông nghiệp A00205574988. Khoảng ngày 25,26/03/2022 mẹ bà H'B đến đưa số tiền còn lại thì bà T yêu cầu trả 920.000.000 đồng nên bà không đồng ý.

Hiện tại bà xác nhận đã trả 215.000.000 đồng tiền gốc và gần 200.000.000 đồng tiền lãi, số tiền gốc còn lại là 240.000.000 đồng, đồng thời khẳng định chỉ vay một khoản tiền là 460.000.000 đồng. Bà H'B đồng ý trả cho bà T số tiền 245.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật với mức lãi là 20%/năm.

Tại bản án số: 08/2023/DS-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 1, 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bà H'B.

Buộc bà H'B phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T tổng số tiền là 138.365.956 đồng (một trăm ba mươi tám triệu ba trăm sáu mươi năm nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng), trong đó khoản tiền gốc là 94.519.439 đồng và tiền lãi là 43.846.517 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T buộc bà H'B phải hoàn trả khoản tiền gốc là 825.480.561 đồng và khoản tiền lãi là 165.993.039 đồng

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền nêu trên, nếu chị H'B không trả khoản tiền nêu trên thì còn phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/7/2023, bà Nguyễn Thị Thanh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

[2]. Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[2.1]. Tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Thanh T) căn cứ hợp đồng vay tiền đề ngày 02/11/2020 thể hiện bà H'B (bị đơn) vay số tiền 460.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 02/11/2020

đến ngày 17/11/2020 và hợp đồng vay tiền đề ngày 12/11/2020 thể hiện bị đơn vay số tiền 460.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 12/11/2020 đến ngày 17/11/2020 để khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền 920.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn chỉ thừa nhận có vay của nguyên đơn một lần số tiền 460.000.000 đồng vào ngày 02/11/2020 và cho rằng sau khi nhận tiền vay 460.000.000 đồng thì nguyên đơn có đưa thêm một bản hợp đồng yêu cầu ghi nội dung phần người vay, do tin tưởng nên bị đơn đã ghi nội dung đối với thông tin bên vay và số tiền vay 460.000.000 đồng rồi ký nhận đưa lại cho nguyên đơn, bị đơn không giữ bản hợp đồng vay.

[2.2]. Xem xét hợp đồng vay đề ngày 02/11/2020 và ngày 12/11/2020 đều thể hiện rõ chữ viết về thời gian vay và thời hạn vay so với chữ viết thông tin bên vay và số tiền vay là khác nhau, do hai người viết ra. Nội dung này nguyên đơn và bị đơn thừa nhận. Mặt khác, các tài liệu chứng cứ khác gồm nội dung tin nhắn Zalo và các chứng từ bị đơn chuyển tiền trả nợ cho nguyên đơn vào các ngày 19/11/2020, 30/12/2020, 27/01/2021, 06/02/2021, 08/02/2021, 18/3/2021 và ngày 05/04/2021 đều chỉ thể hiện số tiền vay là 460.000.000 đồng. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn chỉ vay của nguyên đơn một lần với số tiền 460.000.000 đồng ngày 02/11/2020, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xác định rõ số tiền nợ gốc và tiền lãi bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn như phần quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và đúng sự thật khách quan của vụ án.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho việc kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2023/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5]. Về án phí:

[5.1]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí với phần không được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[5.2]. *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận và Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc bà H'B phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh T tổng số tiền là 138.365.956 đồng (*một trăm ba mươi tám triệu ba trăm sáu mươi năm nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 94.519.439 đồng và tiền lãi là 43.846.517 đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự tính lãi suất chậm trả tiền theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T buộc bà H'B phải hoàn trả số tiền gốc là 825.480.561 đồng và tiền lãi là 165.993.039 đồng.

3. Về án phí:

3.1. *Án phí dân sự sơ thẩm:*

- Buộc bà H'B phải chịu 6.918.297 đồng (*sáu triệu chín trăm mười tám nghìn hai trăm chín mươi bảy đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Nông.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 41.744.208 đồng (*bốn mươi một triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm lẻ tám đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.800.000 đồng (*mười chín triệu tám trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số C349 ngày 29 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Nông. Bà Nguyễn Thị Thanh T còn phải nộp 21.944.208 đồng (*mười một triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm lẻ tám đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Nông.

3.2. *Án phí dân sự phúc thẩm:*

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000A18 ngày 22/08/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Nông.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên , đóng dấu)

Nguyễn Anh Ứng